

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 272/2020/DS-GĐT

Ngày 29/12/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trí

Ông Hoàng Thanh Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Quân – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1949

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện C, tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn N, sinh năm 1939

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Trong năm 2017 và năm 2018, bà Trần Thị P có vay của bà T 3 lần với tổng số tiền 340.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Vào ngày 31/12/2017, bà P vay của bà T số tiền 40.000.000 đồng không ghi lãi suất, nhưng thỏa thuận lãi suất là 9%/tháng, thời hạn vay đến ngày 31/3/2018. Tuy nhiên, đến nay bà P không trả lại tiền gốc và lãi.

- Riêng ngày 07/01/2018 bà T cho bà P vay 02 lần:

+ Lần thứ nhất: Bà T cho bà P vay 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, đóng lãi vào ngày 07 Tây hàng tháng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận nếu bà P không đóng lãi thì bà T sẽ lấy lại toàn bộ vốn và báo trước 01 tháng. Bà P đóng lãi được 03 tháng với số tiền 22.500.000 đồng, đến tháng 02/2018 thì ngừng đóng lãi.

+ Lần thứ hai: Bà T cũng cho bà P vay 150.000.000 đồng nhưng với lãi suất 9%/tháng, đóng lãi vào ngày 07 Tây hàng tháng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận nếu bà P không đóng lãi thì bà T sẽ lấy lại toàn bộ vốn và báo trước 01 tháng. Bà P đóng lãi được 03 tháng với số tiền 40.500.000 đồng, đến tháng 02/2018 thì ngừng đóng lãi.

Tất cả các lần vay bà T trực tiếp giao tiền cho bà P. Ông N đều biết các khoản nợ này nên bà T yêu cầu bà P và ông N phải liên đới trả cho bà 340.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị P trình bày:

Bà P thừa nhận vay của bà T 03 lần với tổng số tiền là 340.000.000 đồng, nhưng không phải năm 2017 và 2018 như bà T trình bày mà là vào tháng 01/2016. Sau đó, do làm ăn thất bại bị vỡ nợ nên bà có xin bà T tiền lãi, chỉ trả nợ gốc, cụ thể đầu tháng 02/2018 (Âm lịch) bà có trả cho bà T 63.000.000 đồng và khấu trừ tiền hui bà T còn thiếu là 29.600.000 đồng. Tổng số tiền bà đã trả cho bà T là 92.600.000 đồng. Vì vậy, bà P chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 247.400.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N trình bày:

Ông N là chồng bà P. Khi bà P vay tiền của bà T thì ông không biết. Khi bà T đến nhà đòi tiền thì ông mới biết sự việc. Ông N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ông đồng ý trích một phần tiền từ huê lợi để trả nợ cho bà T nhưng sẽ trả dần.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2018/DS-ST ngày 23/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T đối với bà Trần Thị P và ông Phạm Văn N.

Buộc bà Trần Thị P và ông Phạm Văn N phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Minh T số nợ gốc là 323.333.000 đồng và số tiền lãi là 3.558.500 đồng, tổng cộng là 326.891.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án.

Ngày 20/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh B có Thông báo số 124/TB-ĐTTH đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với lý do: Hành vi cho vay của bà Nguyễn Thị Minh T có dấu hiệu của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015. Ngày 18/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định khởi tố vụ án.

Tại Quyết định số 204/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 03/9/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C xử lý hình sự về tội “Cho vay lãi nặng” đối với hành vi cho vay của bà T.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bà Nguyễn Thị Minh T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị P và ông Phạm Văn N có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 340.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Chứng cứ mà bà T cung cấp là hợp đồng vay tiền đề ngày 31/12/2017 và 02 hợp đồng vay tiền cùng đề ngày 07/01/2018. Cụ thể:

Ngày 31/12/2017, bà T cho bà P vay 40.000.000 đồng, không ghi lãi suất, thời hạn vay là đến ngày 31/3/2018. Bà P chưa trả lại tiền gốc và lãi.

Riêng ngày 07/01/2018 bà T cho bà P vay 02 lần. Lần thứ nhất: Bà T cho bà P vay 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng (60%/năm). Bà T thừa nhận bà P đóng lãi được 03 tháng với số tiền 22.500.000 đồng, đến tháng 02/2018 thì ngừng đóng lãi; Lần thứ hai: Bà T cũng cho bà P vay 150.000.000 đồng nhưng với lãi suất 9%/tháng (108%/năm). Bà T thừa nhận bà P đóng lãi được 03 tháng với số tiền 40.500.000 đồng, đến tháng 02/2018 cũng ngừng đóng lãi.

[2]. Bà P thừa nhận có nợ bà T tổng số tiền 340.000.000 đồng như bà T yêu cầu, nhưng bà P cho rằng có trả cho bà T 63.000.000 đồng là tiền nợ gốc chứ không phải tiền lãi.

[3]. Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời khai của bà T và lời khai của bà P có cơ sở xác định bà P đã trả được cho bà T 63.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ biên nhận. Bà T khẳng định đây là tiền trả lãi cho 02 hợp đồng vay tiền cùng đề ngày 07/01/2018. Trong đó có số tiền 40.500.000 đồng là tiền lãi 3 tháng của hợp đồng vay 150.000.000 đồng, với lãi suất 9%/tháng. Sau khi trừ đi số tiền lãi phù hợp quy định pháp luật thì số tiền lãi không hợp pháp của hợp đồng vay tiền này là 40.500.000 đồng – (150.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 3 tháng) = 33.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bà T cho bà P vay số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất 9%/tháng, tương đương 108%/năm là vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm ~ 1,67%/tháng), thu lợi 33.000.000 đồng là có dấu hiệu của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy phần bản án dân sự sơ thẩm đối với khoản vay 150.000.000 đồng, với mức lãi suất 9%/tháng do vượt quá quy định pháp luật là có căn cứ.

[4]. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi chậm trả là 10%/năm đối với hợp đồng vay tiền đề ngày 31/12/2017; áp dụng mức lãi chậm trả là 20%/năm quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với hợp đồng vay tiền đề ngày 07/01/2018 (lãi suất 5%/tháng) là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên số tiền bà P và ông N phải trả cụ thể cho từng hợp đồng vay tiền, mà cộng toàn bộ tiền gốc và tiền lãi của cả ba hợp đồng vay tiền để tuyên buộc bà P và ông N phải liên đới trả cho bà T tổng cộng 326.891.500 đồng là không thể thi hành án đối với khoản tiền nợ gốc và lãi của hai hợp đồng hợp pháp nêu trên.

Do đó, cần hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại đối với từng hợp đồng vay cụ thể. Khi thụ lý, giải quyết lại vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách cần tách phần tranh chấp hợp đồng vay tiền đã có Quyết định khởi tố vụ án để Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C giải quyết theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và khoản 3 Điều 343; Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 204/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2018/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh T với bị đơn là bà Trần Thị P. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre giải quyết lại sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP. HCM (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (kèm HSVA);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng LTHS, HS, THS (AQ).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Võ Văn Cường

ỦY BAN THẨM PHÁN

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Trí

Hoàng Thanh Dũng

Võ Văn Cường